

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1171/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Trang trại tổng hợp Xuân Thắng tại xã Xuân Thắng, huyện Thường Xuân của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Xuân Thắng;

Xét hồ sơ kèm theo văn bản số 45/CV-XT ngày 05/11/2024 của Công ty cổ phần chăn nuôi công nghệ cao Xuân Thắng về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án Trang trại tổng hợp Xuân Thắng tại xã Xuân Thắng, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1736/TTr-STNMT ngày 13 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần Chăn nuôi công nghệ cao Xuân Thắng, địa chỉ tại số 39 Đình Công Tráng, phường Ba Đình, thành phố Thanh hoá, tỉnh Thanh Hóa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Trang trại tổng hợp Xuân Thắng tại xã Xuân Thắng, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Trang trại tổng hợp Xuân Thắng tại xã Xuân Thắng, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Xem Đót, xã Xuân Thắng, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Chủ dự án: Công ty cổ phần Chăn nuôi công nghệ cao Xuân Thắng.

1.4. Loại hình sản xuất kinh doanh: Chăn nuôi lợn.

1.5. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp 2802939020 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 14/5/2021 và cấp thay đổi lần thứ 1 ngày 10/10/2023.

1.6. Mã số doanh nghiệp: 2802939020

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Dự án có tiêu chí về môi trường nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích dự án: 177.057,35 m².

- Công suất: 5.000 lợn nái sinh sản và 9.600 lợn con cai sữa/tháng.

- Công nghệ chăn nuôi: Lợn bố mẹ → Lợn nái mang thai → Lợn nái sinh sản → Lợn con sau cai sữa → Xuất bán.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần chăn nuôi công nghệ cao Xuân Thắng:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần chăn nuôi công nghệ cao Xuân Thắng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải

bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu mùi hôi, tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, mùi, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm.**

(từ ngày 25 tháng 11 năm 2024 đến ngày 25 tháng 11 năm 2031).

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Thường Xuân và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Công ty CP chăn nuôi công nghệ cao Xuân Thắng;
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND huyện Thường Xuân (để theo dõi);
- UBND xã Xuân Thắng (để g/sát);
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên trang trại bao gồm: Nước thải qua bể tự hoại như từ bồn cầu, bồn tiểu; nước tắm, rửa, giặt phát sinh từ khu vệ sinh của Nhà văn phòng điều hành, lưu lượng lớn nhất 4 m³/ngày đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải chăn nuôi phát sinh từ khu vực các chuồng nuôi, lưu lượng lớn nhất 225,6 m³/ngày đêm.

Tổng lưu lượng nước thải phát sinh phải xử lý là 229,6 m³/ngày đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận: Nước thải sau xử lý thải ra mương thoát nước chung khu vực → Sông Đót là nguồn tiếp nhận cuối cùng với lưu lượng 43,7m³/ngày.đêm.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước chảy qua thôn Xem Đót, xã Xuân Thắng, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa (Mương thoát nước → Sông Đót là nguồn tiếp nhận cuối cùng).

2.3. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả thải: Nước thải tại hồ chứa nước sau xử lý được xả ra ngoài môi trường tại điểm xả có tọa độ: X = 2180561 (m); Y = 536991 (m); (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiếu 3⁰).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải được lắp đặt biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát hoạt động xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 43,7m³/ngày đêm (chiếm khoảng 20% so với tổng nước thải phát sinh hàng ngày).

2.4.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau Trạm xử lý nước thải công suất 450m³/ngày.đêm, chảy vào hồ chứa nước sau xử lý, tái sử dụng tuần hoàn khoảng 80% lượng nước thải sau xử lý cho tưới cây, rửa xe, rửa chuồng, làm mát, thải ra môi trường khoảng 20% lượng nước thải phát sinh.

- Hình thức xả: Xả gián đoạn bằng bơm cưỡng bức.

2.4.2. Chế độ xả nước thải: Xả không quá 20% tổng lưu lượng nước thải phát

sinh hằng ngày (việc xả thải phải có kế hoạch cụ thể và niêm yết công khai tại vị trí xả nước thải của trang trại).

2.4.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

- Chất lượng nước thải sau xử lý xả thải ra môi trường phải đảm bảo đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (cột B; $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$), cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 - 9	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	99		
3	COD	mg/l	297		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	148,5		
5	Tổng Nitơ (theo N)	mg/l	148,5		
6	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → Bể tự hoại 03 ngăn → Đường ống nhựa PVC D110, D250 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 450m³/ngày.đêm.

- Nước thải nhà ăn → Bể tách dầu mỡ → Đường ống nhựa PVC D110, D250 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 450m³/ngày.đêm.

- Nước tắm, giặt → Bể lắng cặn → Đường ống nhựa PVC D110, D250 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 450m³/ngày.đêm.

- Nước thải chăn nuôi → Hàm chứa phân phía dưới chuồng nuôi → Đường ống nhựa PVC D250 → Bể gom (bể CT lắng phân).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý sơ bộ.

- Xử lý sơ bộ nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện): 07 bể tự hoại 03 ngăn (dung tích 8,6 m³/bể); 01 bể tách dầu mỡ dung tích 0,5 m³ xử lý sơ bộ nước thải nấu ăn.

- Công trình, thiết bị xử lý nước thải chăn nuôi: Bể CT lắng phân (có lắp đặt 02 máy ép phân công suất 100 m³/h; 02 Hàm biogas phủ bạt HDPE, dung tích V=

15.145 m³/hầm; 01 Hồ điều hòa lót bạt HDPE, dung tích V = 22.810 m³; Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 450 m³/ngày đêm; 01 hồ chứa nước sau xử lý, dung tích V=22.599 m³; 01 hồ sự cố, dung tích V=9.770 m³. Toàn bộ các hầm biogas, hồ điều hòa, hồ chứa nước sau xử lý, hồ sự cố có thành, đáy được đầm nén chặt, lót bạt HDPE đảm bảo chống thấm, rò rỉ nước thải ra môi trường.

1.2.2. Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải:

- Nước thải từ các nguồn thu gom về bể CT lắng phân → Máy ép phân → Hầm Biogas số 01, 02 (hoạt động nối tiếp) → Hồ điều hòa → Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 450m³/ngày.đêm (*Bể thiếu khí số 01* → *Bể hiếu khí số 01* → *Bể thiếu khí số 02* → *Bể hiếu khí số 02* → *Bể lắng sinh học* → *Bể trung gian* → *Bể keo tụ* → *Bể tạo bông* → *Bể lắng hóa lý* → *Bể khử trùng* → *Bồn lọc áp lực*) → Hồ chứa nước sau xử lý, tại đây nước thải được tái sử dụng cho rửa chuồng, làm mát,... phần không sử dụng hết → Đường ống PVC, DN200 và đồng hồ đo lưu lượng nước thải → Mương thoát nước chung khu vực phía Đông trang trại thuộc địa phận thôn Xem Đót, xã Xuân Thắng, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

- Tổng công suất thiết kế: 450 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: BIO-S, DW97, DW98, PAC, polymer, NaClO (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đầu tư xây dựng hệ thống Trạm xử lý nước thải tập trung có công suất xử lý 450m³/ngày đêm, gấp gần 2 lần tổng lượng nước thải phát sinh của trang trại đảm bảo đáp ứng được hệ số quá tải của hệ thống.

- Đầu tư xây dựng 01 hồ sự cố nước thải được lót thành, đáy hồ bằng bạt HDPE có dung tích chứa 9.770m³ để chứa nước thải khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố. Hồ có thiết kế hệ thống hai van cho đường ống vào và đường ống ra; chiều cao dự phòng là 0,5m; thể tích chứa nước tối thiểu trong trường hợp sự cố đủ để chứa nước thải phát sinh của dự án 42 ngày.

- Lắp đặt máy bơm chìm nước thải có công suất (1,5 - 2,2)KW và đường ống để có thể bơm nước thải từ hồ điều hoà về hồ sự cố để lưu chứa nước thải khi Trạm xử lý nước thải gặp sự cố.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành các hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát các thông số ô nhiễm trong nước thải, đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép mới được xả thải ra môi trường. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra để kiểm soát lưu lượng xả thải.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, lập nhật ký vận hành và ghi chép đầy đủ các thông số: lưu lượng nước thải, thông số vận hành hệ thống xử lý nước thải, loại và lượng hóa chất sử dụng, chỉ số điện tiêu thụ,... vào sổ nhật ký vận hành hằng ngày.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của các hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và xả nước thải sau xử lý.

- Khi Trạm xử lý nước thải tập trung có sự cố hoặc nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục, dừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận để thực hiện các biện pháp khắc phục:

- + Nếu sự cố không đến mức nghiêm trọng, công nhân dừng vận hành hệ thống, đóng van để lưu giữ nước thải tạm thời trong các bể chứa của hệ thống xử lý nước thải và khẩn trương khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, vận hành tăng công suất để đảm bảo xử lý được toàn bộ lượng nước thải phát sinh đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.4.3 phần A của Phụ lục này trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- + Trường hợp xảy ra sự cố nghiêm trọng phải báo cáo với chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường để được hướng dẫn thực hiện khắc phục sự cố; đồng thời, ngừng tiếp nhận nuôi lợn lứa tiếp theo; khẩn trương tiến hành sửa chữa, thay thế thiết bị để khắc phục sự cố của Trạm xử lý nước thải tập trung. Sau khi khắc phục xong sự cố, tiếp tục tiến hành bơm nước thải từ hồ sự cố về Trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường.

- Phòng ngừa sự cố hầm biogas, đáy hầm biogas hư hỏng:

Trang trại sử dụng 2 hầm biogas có dung tích 15.145m³/hầm hoạt động nối tiếp nhau; Trường hợp thùng, rách hầm biogas (B01), tiến hành đóng van xả nước thải vào hầm B01, bơm nước thải sau máy tách phân về Hầm Biogas (B02) bằng đường ống HDPE D250 dự phòng để xử lý; (2) Trường hợp Hầm biogas (B02) xảy ra sự cố, tiến hành đóng van xả nước thải từ hầm B01 sang hầm B02 và lưu giữ nước thải tại hầm Biogas (B01) để xử lý; hạn chế việc rửa chuồng, tăng cường thu phân khô để đảm bảo thời gian lưu nước trong hầm biogas đạt hiệu quả xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

2.2. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng (dự kiến từ tháng 8/2025 đến tháng 01/2026).

2.3 Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống hầm biogas, hồ điều hòa và Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 450 m³/ngày.đêm, hồ chứa nước sau xử lý.

2.4. Vị trí lấy mẫu:

- Mẫu nước thải tại hồ điều hòa sau Hầm biogas trước khi vào Trạm xử lý nước thải tập trung (tuần hoàn cho mục đích tưới cây);
- Mẫu nước thải tại hồ chứa nước sau xử lý (chứa nước tuần hoàn tái sử dụng cho rửa chuồng, ngâm rửa đàn,... và xả thải ra môi trường.).

2.5. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại mục 2.4.3. Phần A Phụ lục này.

2.6. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý triệt để nước thải phát sinh từ dự án đảm bảo đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục 2.4.3 Phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường và tái sử dụng tưới cây. Thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải, tuyệt đối không được xả nước thải hay lắp đặt các đường ống, thiết bị bơm xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường; hồ lắng chứa nước thải sau máy ép phân trước khi vào hầm Biogas phải được phủ bạt HDPE toàn bộ, tránh để phát tán mùi hôi ra môi trường.

3.2. Điểm tiếp nhận nước thải phải bố trí biển báo, chỉ dẫn rõ ràng, thuận tiện cho việc kiểm tra, giám sát; hoàn thành công bố hợp quy đối với nước thải trước khi sử dụng để tưới gốc cho cây trồng. Lắp công tơ điện riêng cho hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.3. Lập sổ ghi chép nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải, ghi chép đầy đủ thông tin, dữ liệu hoạt động của hệ thống, lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng xả nước thải, đồng hồ đo lưu lượng nước tuần hoàn, tái sử dụng và đồng hồ đo lưu lượng nước tưới cây hoa; điểm tiếp nhận nước thải phải bố trí biển báo, chỉ dẫn rõ ràng, thuận tiện cho việc kiểm tra, giám sát.

3.4. Vị trí tưới cây, hoa phải được xác định rõ phạm vi, chỉ tưới tại các vị trí được quy hoạch trồng cây, hoa trong khuôn viên trang trại, sử dụng các đường ống phân phối đều nước, không để đường ống dẫn tập trung vào một vị trí, không tưới trong trường hợp thời tiết bất lợi (trời mưa). Các yêu cầu cụ thể:

- Lượng nước thải sau xử lý được bơm đi tưới cây trong khuôn viên với lưu lượng 52,0 m³/ngày.đêm;
- Phải hoàn thiện thủ tục hợp quy đối với nước thải sau xử lý khi tái sử dụng để tưới gốc cho cây trồng (tưới vào vùng rễ xung quanh gốc cây) và đảm bảo đạt

QCVN 01-195:2022/BNNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng, như sau:

TT	Chất ô nhiễm đề nghị cấp phép	Đơn vị	Giá trị giới hạn đề nghị cấp phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quản trắc tự động liên tục
1	pH	-	5,5- 9	01 năm/lần	Không thuộc đối tượng
2	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	≤ 600		
3	Asen (As)	mg/l	≤ 0,1		
4	Cadimi (Cd)	mg/l	≤ 0,01		
5	Crom tổng số (Cr)	mg/l	≤ 0,5		
6	Thủy ngân (Hg)	mg/l	≤ 0,002		
7	Chì (Pb)	mg/l	≤ 0,05		
8	Ecoli	MPN/100ml	≤ 200		

3.5. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các yêu cầu, quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải sau khi được cấp Giấy phép môi trường. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.6. Trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc ô nhiễm môi trường, Công ty phải tạm dừng vận hành và kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Thường Xuân, UBND xã Xuân Thắng để được hướng dẫn, giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

3.7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có hoạt động xả nước thải ra môi trường có chứa các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

3.8. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.9. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các yêu cầu quy định theo QCVN 01-195:2022/BNNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng./.

PHỤ LỤC 2

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024 của
UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG YÊU CẦU QUẢN LÝ ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Khí thải, mùi phát sinh từ khu vực nhà hủy xác lợn chết.
- Nguồn số 03: Khí thải, mùi phát sinh từ Trạm xử lý nước thải, công suất 450 m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 04: Khí thải, mùi phát sinh từ khu nhà chứa, ép tách phân.
- Nguồn số 05: Khí thải, mùi phát sinh từ khu vực buồng xử lý khí thải sau chuồng nuôi lợn.
- Nguồn số 06: Khí Biogas phát sinh từ hệ thống hầm biogas.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105o múi chiều 3o)

- Vị trí nguồn số 01: Tọa độ: X = 2180740(m); Y = 536855(m).
- Vị trí nguồn số 02: Tọa độ: X = 2180533(m); Y = 536667 (m).
- Vị trí nguồn số 03: Tọa độ: X = 2180501(m); Y = 538856 (m).
- Vị trí nguồn số 04: Tọa độ: X = 2180559(m); Y = 536859 (m).
- Vị trí nguồn số 05: Tọa độ: X = 2180691(m); Y = 536868 (m).
- Vị trí nguồn số 06: Tọa độ: X = 2180534(m); Y = 536910 (m).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 1.805 m³/h.
- Dòng khí thải số 02 đến số 05: Lưu lượng không xác định.
- Dòng khí thải số 06: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 84,1m³/ngày.

2.3. Phương thức xả thải:

- Dòng khí thải số 01: Khí thải được xả ra môi trường qua ống khói không thường xuyên (xả thải khi vận hành máy phát điện).
- Dòng khí thải từ số 02 đến số 05: Thoát tự nhiên.
- Dòng khí thải số 06: Qua ống đuốc đốt.

2.4. Chất lượng khí thải, mùi sau xử lý, giảm thiểu: Đảm bảo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI, MÙI:

1. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải, mùi và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Công trình, thiết bị xử lý khí thải, mùi: :

- Khí thải, mùi hôi nguồn số 01: Được thu gom, xử lý qua thiết bị tích hợp theo máy phát điện, thải qua ra môi trường qua ống khói

- Khí thải, mùi hôi nguồn số 02: Bố trí nhà hủy xác có thành, đáy bằng bê tông, mái lợp tôn đảm bảo không bị nước mưa chảy vào, thực hiện trình tự xử lý xác lợn đúng kỹ thuật, trong quá trình xử lý bổ sung chế phẩm sinh học và hoá chất khử mùi để giảm thiểu mùi hôi.

- Khí thải, mùi hôi nguồn số 03: Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình, máy móc và thiết bị của Trạm xử lý nước thải tập trung theo khuyến cáo của nhà sản xuất; định kỳ bổ sung vi sinh, chế phẩm sinh học; lắp đặt các lưới chắn để bao vây kín một số cụm bể phát sinh mùi hôi để giảm thiểu mùi hôi phát tán ra xung quanh.

- Khí thải, mùi hôi nguồn số 04: Bố trí nhà có mái che, nền bê tông, bao vây xung quanh bằng lưới và sử dụng chế phẩm sinh học để giảm thiểu mùi và khí thải thải ra môi trường.

- Khí thải mùi hôi từ nguồn số 05 → Quạt hút cuối các chuồng nuôi → Giàn phun sương có bổ sung hoá chất xử lý mùi và khí thải chuồng nuôi (sử dụng hóa chất HClO hoặc tương đương) → Tường lưới bằng vật liệu nhựa dày 45cm → Môi trường.

- Đối với khí thải, mùi hôi nguồn số 06 → Đường ống, van khóa → Đuốc đốt.

1.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.3. Quan trắc khí thải định kỳ:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hoạt động của máy phát điện để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải.

1.4.2. Định kỳ hằng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Quản lý, vận hành hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Trang trại theo đúng quy trình, đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đảm bảo chất lượng khí thải của nguồn tiếp nhận (không khí xung quanh của Trang trại).

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo

- Tăng cường thực hiện biện pháp giảm thiểu khí thải, mùi phát sinh từ các khu vực chuồng nuôi (đảm bảo giàn phun sương hoạt động hiệu quả, liên tục có bổ sung men vi sinh sau các dãy chuồng nuôi).

- Trường hợp hầm hủy xác gây ô nhiễm môi trường; sự cố rò rỉ, cháy nổ hầm Biogas, hoạt động chăn nuôi phát sinh mùi hôi, Trang trại phải có biện pháp khắc phục nhanh chóng, kịp thời và báo cáo cơ quan có thẩm quyền để biết; trường hợp không khắc phục được phải tạm dừng hoạt động chăn nuôi để cải tạo, sửa chữa.

3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình, biện pháp xử lý khí thải, mùi hôi chuồng nuôi, khu xử lý nước thải, khu ủ phân, nhà hủy xác lợn chết...

- Thường xuyên kiểm tra các hầm biogas để kịp thời phát hiện bọt thủng, rách để kịp thời sửa chữa, khắc phục đảm bảo không để rò rỉ khí thải ra môi trường.

- Định kỳ hút bùn cặn trong hầm biogas và hồ lắng, điều hòa, hồ chứa nước để đảm bảo dung tích chứa và xử lý nước thải; hệ thống thu gom và xử lý nước thải kín tránh sự phát tán mùi hôi; thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom, xử lý nước thải, nạo vét định kỳ tránh tình trạng tắc nghẽn, vỡ đường ống làm phát sinh mùi hôi thối;

- Các sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi là hóa chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật phải đảm bảo nguồn gốc, xuất xứ và phương cách sử dụng theo Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

- Định kỳ phun chế phẩm sinh học để giảm thiểu mùi chuồng nuôi, khu xử lý xác lợn chết, khu chứa phân, khu xử lý nước thải; ủ phân, sử dụng khí Biogas theo đúng quy trình kỹ thuật.

- Đối với khí thải sinh học từ các hầm Biogas: Lắp đặt đường ống có van khóa đảm bảo thu gom toàn bộ khí thải sinh học từ các hầm Biogas để đốt, nghiêm cấm xả khí sinh học ra môi trường.

- Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý khí thải, mùi hôi./.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày /11/2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tiếng ồn và độ rung từ hoạt động của máy bơm, máy nén khí phục vụ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn và độ rung khi vận hành máy phát dự phòng.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ hoạt động của các quạt hút mùi, xử lý khí thải cuối các dây chuồng nuôi.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Vị trí phát sinh tiếng ồn và độ rung trong khuôn viên Trang trại tại xã Xuân Thắng, huyện Thường Xuân. Tọa độ vị trí các điểm phát sinh tiếng ồn và độ rung theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°, múi chiếu 3°, như sau:

- Nguồn số 01: Tọa độ đại diện: X = 2180501(m); Y = 538856 (m).
- Nguồn số 02: Tọa độ đại diện: X = 2180740(m); Y = 536855(m).
- Nguồn số 03: Tọa độ đại diện: X = 2180691(m); Y = 536868 (m).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung. Bố trí khoảng cách các thiết bị gây ồn hợp lý.

1.2. Bố trí nhà để máy phát điện cách xa khu vực khu vực nhà điều hành, khu nhà nghỉ của công nhân.

1.3. Trồng cây xanh xung quanh khu vực trang trại nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn đến khu vực xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Loại chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau, bao tay dính hóa chất/dầu mỡ	18 02 01	33,4
2	Thùng, bao bì cứng thải bằng nhựa đựng thuốc sát trùng, chế phẩm khử mùi, hóa chất xử lý môi trường	18 01 03	52,5
3	Bao bì mềm (bao gồm bao bì thuốc thú y)	18 01 01	92,8
4	Bơm kim tiêm đã qua sử dụng hoặc dính các thành phần lây nhiễm nguy hại	13 02 01	13,6
5	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại (bao bì mềm thải chứa thành phần nguy hại từ quá trình sát trùng xe, chuồng trại)	14 02 02	25,6
6	Hộp mực in thải	08 02 04	7,5
7	Dầu thải từ máy phát điện	13 07 01	56,4
8	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	5,2
9	Lợn chết do dịch bệnh	14 02 01	Khi có dịch bệnh
Tổng cộng			287,0

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn chôn nuôi thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Phân lợn	9.593.666
2	Thực phẩm dư thừa, bao bì đựng thức ăn, vỏ bọc giống cây	18.250
3	Bùn cặn từ hầm biogas	4.927,5
4	Bùn cặn từ hồ sinh học	68.300
5	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	739.125

6	Lợn chết không do dịch bệnh	11.520
7	Khối lượng nhau thai trong quá trình sinh sản của lợn nái	27.500
	Tổng cộng	10.463.288,5

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt:

STT	Nguồn phát sinh	Định mức (kg/người.ngày)	Khối lượng (tấn/năm)
1	Hoạt động sinh hoạt hằng ngày của 40 công nhân làm việc tại trang trại	1,0	14,6

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn chăn nuôi thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

a. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng chứa bằng nhựa cứng, thùng phuy dung tích 100 - 200 lít, có nắp đậy kín; bao bì ghi nhãn mác của từng loại CTNH.

b. Khu lưu chứa:

- Xây dựng 01 khu lưu chứa chất thải chung cho toàn bộ trang trại, diện tích 15 m², được chia thành nhiều ngăn, ngăn lưu chứa CTNH có diện tích 9 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Khu lưu chứa được đổ bê tông và láng nền vữa xi măng chống thấm, tường xây gạch cao khoảng 5,5m, mái lợp tôn, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng, có thiết bị phòng cháy chữa cháy và có biển cảnh báo.

- Phần diện tích lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kì chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn chăn nuôi thông thường:

a. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng chứa loại 100 lít.

- 02 Máy ép phân công suất 20-25 m³/h.

b. Khu lưu chứa:

- Ngăn lưu giữ chất thải rắn thông thường có diện tích 4,0m² nằm trong khu lưu chứa chất thải chung. Thiết kế, cấu tạo: Nền đổ bê tông và láng vữa xi măng chống thấm, tường xây gạch cao 3,5 (m); mái lợp tôn, có thiết bị PCCC và có biển báo.

- Khu vực Nhà hủy xác có diện tích 1.333,67 m². Thiết kế cấu tạo: Nền bê tông cốt thép, vách bê tông cốt thép; khung kèo thép, mái lợp tôn.

- Nhà chứa chứa ép tách phân có diện tích 171,4 m², được bố trí cạnh bể CT lắng phân có chức năng tách, lưu chứa và ủ phân. Thiết kế cấu tạo: Nền bê tông tạo nhám; móng, dầm, cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, mái lợp tôn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

a. Thiết bị lưu chứa: Các thùng nhựa có nắp đậy loại 50 - 100 lít.

b. Khu vực tập kết tạm thời:

- Phần lưu giữ chất thải sinh hoạt có diện tích 2 m² nằm trong khu lưu chứa chất thải chung có diện tích 15m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu chứa được đổ nền bê tông chống thấm, tường xây gạch; mái tôn; có vách ngăn cách ly với phần chứa các loại chất thải khác.

- Khu vực tập kết chất thải sinh hoạt được phun khử mùi hằng ngày.

2.4. Chuyển giao chất thải

- Chỉ được chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng xử lý.

- Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn chăn nuôi không nguy hại: Tăng cường tái sử dụng ủ làm phân bón cho cây trồng, trường hợp không tái sử dụng phải chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý đảm bảo quy định, không được vứt bừa bãi ra môi trường. Việc sử dụng phân thải và bùn thải làm phân bón phải tuân thủ quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 51 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Việc vận chuyển chất thải chăn nuôi phải tuân thủ quy định tại khoản điểm b khoản 2 Điều 51 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định về sinh thú y.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện đúng quy trình phòng ngừa ứng phó sự cố đối với nước thải, khí thải.

2. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, sự cố lộn chết do dịch bệnh và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố

môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Trang trại tổng hợp Xuân Thắng tại xã Xuân Thắng, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần chăn nuôi công nghệ cao Xuân Thắng đã hoàn thành, hạng mục, công trình phục vụ công suất chăn nuôi 5.000 lợn nái sinh sản và 9.600 lợn con cai sữa/tháng. Công ty phải hoàn thiện các hạng mục công trình cho toàn dự án, gồm:

1. Hạng mục trồng cây xanh tại khu vực khuôn viên cây xanh, khu vực trồng cây xanh cảnh quan.
2. Hoàn thiện đường giao thông nội bộ, tường rào, mương thoát nước mặt.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện đầy đủ các biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải, nước thải, chất thải rắn phát sinh trong hoạt động của dự án.
2. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy trình tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.
3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, hướng dẫn kỹ thuật phân loại chất thải rắn sinh hoạt của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành quy định chi tiết quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

4. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải và chuồng trại làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh

5. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành chính thức theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định./.